

Số: **1084/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân Phú, ngày 22 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 974/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: 202 Thanh T, HC, Thành phố Đ; Tạm trú: C2.11, Tầng 2, Tháp C, Khu Topa2 Residence – Celadon City – Số 38 đường B, phường S, quận T, Thành phố H;

- *Bị đơn*: Ông Lã Minh H, sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: 202 Thanh T, HC, Thành phố Đ; Chỗ ở: 14.08 Block A, Số 869 đường AC, phường T, quận T, Thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Lã Minh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Lã Minh H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2012, quyển số 01/2011, ngày 16/3/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận HC, Thành phố Đ cấp cho bà T và ông H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp lực.

Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai con chung là Lã Minh A, sinh ngày 24/11/2012 và Lã Minh Q, sinh ngày 29/7/2020. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 70.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 35.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2021.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả; lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tất cả do bà Lê Thị Mỹ T tự nguyện chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0071307 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường T, quận HC, Thành phố Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mỹ